

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày 21 – 3 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Sương và Ông Mai Minh
Chánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Trọng Tín –Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú,
tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 238/2024/TLST-DS ngày
05 tháng 11 năm 2024, về Tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025
của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 16/7/1986 (có mặt); nơi
cư trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Tổ E, ấp H, xã Đ,
huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông La Văn Mọi N, sinh năm 1970 (vắng mặt) và bà Huỳnh
Thanh T, sinh năm 1971 (vắng mặt); cùng nơi cư trú: Tổ E, ấp H, xã Đ, huyện C,
tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án,
nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày và có ý kiến như sau:*

Đầu năm 2023, ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T đến cửa hàng
của ông hỏi mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo hình thức hỗ trợ cuối vụ,
sau khi thu hoạch lúa xong sẽ trả tiền đầy đủ cho ông V.

Bắt đầu vụ Hè Thu năm 2023, ông N và bà T mua phân bón và thuốc bảo

vật thực vật của cửa hàng ông với tổng số hàng hoá quy ra tiền là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Sau khi thu hoạch xong, do cần tiền gấp để xoay sở cổ thêm đất sản xuất lúa nên ông N và bà T xin ông cho gia hạn đến cuối vụ Thu Đông năm 2023 sẽ trả hết số tiền nợ, ông V chỉ đồng ý cho nợ lại tiền đến cuối vụ nhưng không bán phân thuốc cho ông N, bà T nữa. Nhưng đến thời hạn, ông N và bà T vẫn tiếp tục không trả nợ cho ông.

Đến đầu vụ Đông Xuân năm 2023 – 2024, bà T có đến cửa hàng để đề nghị ông V bán phân thuốc cho bà để bà có thể trả hết số tiền nợ còn lại. Do mong muốn lấy lại được tiền và để tạo cơ hội cho ông N và bà T có thể trả hết nợ nên ông V đã tiếp tục đầu tư phân thuốc cho ông bà sản xuất tiếp vụ lúa Đông Xuân năm 2023 - 2024. Khi tổng kết cuối vụ Đông Xuân năm 2023 - 2024 (ngày 30/3/2024), tổng số tiền phân thuốc mà ông N và bà T mua của ông V là 43.905.000đ (Bốn mươi ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

Tuy trong các vụ thu hoạch thời tiết rất thuận lợi và giá lúa rất cao nhưng ông N và bà T tìm nhiều lý do để kéo dài thời gian không trả cho ông V số tiền mua vật tư. Tổng số tiền ông N và bà T nợ ông V là 101.905.000đ (Một trăm lẻ một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng), ông N và bà T có xác nhận lại là đúng tổng số tiền nợ, nhưng đến nay ông bà vẫn có tình không trả số tiền nợ.

Vì vậy, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T1 trả cho ông Nguyễn Hoàng V tổng số tiền là 101.905.000đ (Một trăm lẻ một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Yêu cầu ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T1 trả tiền lãi cho ông Nguyễn Hoàng V theo mức lãi suất của Nhà nước quy định cho đến khi thi hành án xong, cụ thể:

- + Đối với số tiền 58.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 06/12/2023 đến ngày 04/7/2024 là 06 tháng 28 ngày x 1,66%/tháng = 6.672.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 05/7/2024 đến khi thi hành án xong.

- + Đối với số tiền 43.905.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 14/4/2024 đến ngày 04/7/2024 là 02 tháng 20 ngày x 1,66%/tháng = 1.936.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 05/7/2024 đến khi thi hành án xong.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2025, ông Nguyễn Hồng H – Phó Trưởng ban áp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, ông H trình bày như sau:*

Vào hồi 09 giờ ngày 13/6/2024, tổ hòa giải áp H gồm có ông là Nguyễn Hồng H, ông Nguyễn Văn T2, bà Phạm Thị O, bà Nguyễn Thị N1 tiến hành hòa giải giữa ông Nguyễn Hoàng V với ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T. Tại buổi hòa giải, ông N, bà T thừa nhận có thiếu ông V số tiền 101.905.000 đồng tiền mua phân bón thuốc trừ sâu. Ông N và bà T nói giao đất để thanh toán nợ cho ông V nhưng các bên không thống nhất về giá nên không hòa giải thành. Kết thúc làm việc, ông N và bà T không đồng ý ký tên vào biên bản. Biên bản hòa giải vào lúc 09 giờ ngày 13/6/2024 do ông V cung cấp cho Tòa án là do Tổ hòa giải lập.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2025, bà Phạm Thị O trình bày như sau:*

Vào hồi 09 giờ ngày 13/6/2024, tổ hòa giải ấp H gồm có bà là Phạm Thị O, ông Nguyễn Hồng H, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N1 tiến hành hòa giải giữa ông Nguyễn Hoàng V với ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T. Tại buổi hòa giải, ông N, bà T thừa nhận có thiếu ông V số tiền 101.905.000 đồng tiền mua phân bón thuốc trừ sâu. Ông N và bà T nói giao đất để thanh toán nợ cho ông V nhưng các bên không thống nhất về giá nên không hòa giải thành. Kết thúc làm việc, ông N và bà T không đồng ý ký tên vào biên bản. Biên bản hòa giải vào lúc 09 giờ ngày 13/6/2024 do ông V cung cấp cho Tòa án là do Tổ hòa giải lập.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N và bà T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi, cụ thể: Ông V chỉ yêu cầu ông N, bà T trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền 58.000.000 đồng từ ngày 06/12/2023 đến ngày 21/3/2025 và đối với số tiền là 43.905.000 đồng từ ngày 14/4/2024 đến ngày 21/3/2025 và yêu cầu tính lãi chậm trả giai đoạn thi hành án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn là ông N và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền nợ gốc là 101.905.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 58.000.000 đồng từ ngày 06/12/2023 đến ngày 21/3/2025 và đối với số tiền là 43.905.000 đồng từ ngày 14/4/2024 đến ngày 21/3/2025, ngoài ra tuyên về tiền lãi chậm thanh toán theo quy định. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị buộc ông N, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu thanh toán tiền mua bán. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán và giải quyết vụ án là

đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V có mặt; bị đơn ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T3 trả số tiền nợ gốc là 101.905.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 58.000.000 đồng từ ngày 06/12/2023 đến ngày 04/7/2024 và đối với số tiền là 43.905.000 đồng từ ngày 14/4/2024 đến ngày 04/7/2024 (là sau ngày đối chiếu công nợ) với lãi suất 1,66%/tháng và yêu cầu tính lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án.

Đối với số tiền nợ mua bán là tiền gốc: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu ông ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T trả số tiền nợ gốc là 101.905.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ mà ông V cung cấp bao gồm “Biên nhận mua bán phân – thuốc BVTV” được lập vào ngày 14/4/2024 giữa bên mua là ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T với bên bán là ông Nguyễn Hoàng V có chữ ký của cả hai bên; “Biên bản hòa giải” được lập ngày 13/6/2024 tại Tổ hòa giải ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

Xét thấy, việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán vật tư phân – thuốc bảo vệ thực vật là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán tài sản được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, những chứng cứ mà ông V cung cấp đã thể hiện việc ông N, bà T có mua vật tư từ cửa hàng của ông V tổng cộng là 101.905.000 đồng và trong “Biên nhận mua bán phân – thuốc BVTV” đều có chữ ký xác nhận của ông N, bà T. Mặc dù, trong tờ “Biên bản hòa giải” không có chữ ký xác nhận của ông N, bà T nhưng việc này đã được ông H – Phó Trưởng ban ấp H, xã Đ – tổ trưởng tổ hòa giải; lời trình bày của bà Phạm Thị O – thành viên tổ hòa giải cùng thống nhất xác định lúc đó ông N và bà T không đồng ý ký tên vào biên bản sau khi kết thúc buổi làm việc. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N, bà T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì lời trình bày của ông V; chứng cứ mà ông V đưa ra là có căn cứ và đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Ông V đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho bên mua là ông N, bà T. Ông N, bà T đã nhận đủ tài sản do ông V chuyển giao nêu trên để phục vụ việc thu hoạch vụ mùa, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông N, bà T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông V theo

thỏa thuận và ông N, bà T còn nợ của ông V số tiền là 101.905.000 đồng. Cho thấy ông N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông V yêu cầu ông N và bà T cùng **liên đới** trả số tiền nợ 101.905.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi:

Theo tờ “Biên nhận mua bán phân – thuốc BVTV” giữa ông V là bên bán và ông N, bà T là bên mua thì hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể.

Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu ông V có yêu cầu áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền chậm trả; tuy nhiên tại phiên tòa ông V có thay đổi mức lãi suất áp dụng trên số tiền yêu cầu chỉ còn 0,83%/tháng, tức là mức lãi suất 10%/năm, xét thấy việc thay đổi này là có lợi cho bị đơn, nguyên đơn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm trả nợ”. Ông V yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền 58.000.000 đồng, thời gian từ ngày 06/12/2023 đến ngày 21/3/2025 là 01 năm 3 tháng 15 ngày nên tiền lãi được tính như sau:

$58.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 7.461.700 \text{ đồng};$

- Đối với số tiền 43.905.000 đồng, thời gian từ ngày 14/4/2024 đến ngày 21/3/2025 là 11 tháng 07 ngày nên tiền lãi được tính như sau:

$43.905.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 11 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 4.093.556 \text{ đồng}.$

Như vậy, ông N, bà T phải có nghĩa vụ **liên đới** trả nợ gốc và tiền lãi cho ông V với tổng số tiền là 113.460.256 đồng, trong đó nợ gốc là 101.905.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21/3/2025 là 11.555.256 đồng. Ngoài ra, ông N, bà T còn phải chịu lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo hồ sơ vụ án thể hiện ông N và bà T là vợ chồng. Việc mua phân bón – thuốc bảo vệ thực vật là để phục vụ chung cho gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông N và bà T phải có nghĩa vụ **liên đới** thanh toán số tiền mua vật tư còn nợ và tiền lãi chậm trả cho phía nguyên đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông N và bà T phải **liên đới** chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V về việc yêu cầu ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T trả số tiền mua bán.

Buộc ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T cùng có nghĩa vụ **liên đới** trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền là 113.460.256đ (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc là 101.905.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21/3/2025 là 11.555.256 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Hoàng V đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Phần quyết định này của bản án được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.763.000đ (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006220 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Ông La Văn Mọi N và bà Hoàng Thanh T3 phải liên đới chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 5.673.000đ (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông La Văn Mọi N và bà Huỳnh

Thanh T vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai